

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CỦA VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Nguyễn Phi Long; ThS. Ngô Thị Thanh Hương;
Bùi Thị Thanh Thủy
Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, các quốc gia đều có xu hướng hội nhập vào nền kinh tế thế giới với sự hình thành chuỗi giá trị và mạng sản xuất khu vực và toàn cầu. Vì vậy, để phát triển công nghiệp hỗ trợ, đòi hỏi các nước phải tính đến hàng loạt các yếu tố, trong đó có yếu tố về tư duy kinh tế toàn cầu, việc đặt nền kinh tế mỗi quốc gia trong mạng lưới sản xuất và phân phối toàn cầu, yếu tố về xử lý mối quan hệ giữa nhà nước, doanh nghiệp và thị trường.

Công nghiệp hỗ trợ phát triển sẽ giảm thiểu được việc nhập khẩu các nguyên vật liệu, linh kiện cho các ngành lắp ráp trong nước, là tiền đề để trở thành một bộ phận trong chuỗi sản xuất toàn cầu. Phát triển công nghệ trong ngành công nghiệp hỗ trợ sẽ từng bước cải thiện được chất lượng sản phẩm, nâng cao được năng lực nội sinh về công nghệ, tiến tới cải tiến, làm chủ và sáng tạo ra công nghệ. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện hiện nay của Việt Nam khi mà trình độ công nghệ trong ngành công nghiệp hỗ trợ còn hạn chế. Bài viết đưa ra một số khuyến nghị về hoạch định và tổ chức thực thi chính sách nhằm phát triển công nghệ, từng bước nâng cao năng lực nội sinh công nghệ trong ngành công nghiệp hỗ trợ, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội.

Từ khóa: Công nghiệp hỗ trợ; Chính sách công nghiệp.

1. Một số vấn đề về phát triển công nghiệp hỗ trợ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

1.1. Các quan niệm về công nghiệp hỗ trợ

Công nghiệp hỗ trợ là thuật ngữ có gốc trong tiếng Nhật là “Susono San-gyuo”, trong đó Susono là “Chân núi” và San-gyuo là “Công nghiệp” mang ý nghĩa công nghiệp hỗ trợ đóng vai trò là chân núi, làm nền tảng cho công nghiệp, sản xuất hoàn tất sản phẩm cuối cùng. Công nghiệp hỗ trợ xuất hiện đầu tiên ở Nhật Bản vào những năm 80 của thế kỷ 20 bắt nguồn từ sự tăng giá của đồng yên so với đồng đô la Mỹ sau Hiệp định Plaza vào tháng 9/1985, dẫn đến việc các doanh nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản phải giảm thiểu hoạt động xuất khẩu và chuyển hoạt động sản xuất sang các nước có nguồn lao động rẻ hơn.

Trên thế giới có nhiều định nghĩa khác nhau về công nghiệp hỗ trợ, tuy nhiên chúng đều có

các điểm chung như: (1) Đó là việc cung ứng các linh phụ kiện cho mục đích sản xuất sản phẩm cuối cùng; (2) Việc cung ứng này chủ yếu được đáp ứng bởi hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa - là các doanh nghiệp sản xuất phụ trợ đòi hỏi trình độ sản xuất với mức độ chính xác của sản phẩm rất cao, thực hiện các cam kết hợp đồng với khách hàng một cách chuẩn mực; (3) Khách hàng của các ngành công nghiệp hỗ trợ là các nhà lắp ráp, do vậy, thị trường của công nghiệp hỗ trợ không rộng, không dễ dàng tác động như khi họ sản xuất sản phẩm cho người tiêu dùng cuối cùng.

Trong khi công nghiệp hỗ trợ khá phổ biến ở châu Á, nhất là các nước Đông Á thì ở Hoa Kỳ hay châu Âu, công nghiệp hỗ trợ lại ít được đề cập. Mặc dù vậy, việc phân chia và chuyên môn hóa quá trình sản xuất sản phẩm thành nhiều công đoạn bởi nhiều doanh nghiệp khác nhau đã thông dụng từ lâu ở các quốc gia phát triển

và các quan niệm tương tự công nghiệp hỗ trợ được đưa ra như: Chuỗi cung ứng trong chuỗi giá trị; Mạng lưới sản xuất; Thâu phụ, thuê ngoài, nhà cung ứng; Công nghiệp phụ thuộc; Công nghiệp linh phụ kiện...

Tại Việt Nam, Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ: “*Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu, phụ tùng linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng*”.

1.2. Phát triển công nghiệp hỗ trợ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

- Công nghiệp hỗ trợ và lợi thế cạnh tranh

Trải qua nhiều thời kỳ, nhiều hệ tư tưởng về cạnh tranh, cụ thể hơn là năng lực cạnh tranh đã được các nhà kinh tế học nghiên cứu áp dụng sâu rộng vào thực tế. Các ngành công nghiệp hỗ trợ và liên quan, là một thuật ngữ được M. E. Porter sử dụng để chỉ yếu tố quyết định căn bản của lợi thế cạnh tranh quốc gia. Sự tồn tại của các ngành hỗ trợ có khả năng cạnh tranh quốc tế trong một quốc gia tạo ra những lợi thế cho các ngành công nghiệp sử dụng đầu ra theo các cách khác nhau. Bên cạnh đó, những ngành công nghiệp liên quan xuất hiện thường dẫn đến những ngành có khả năng cạnh tranh mới.

- Công nghiệp hỗ trợ trong phát triển cụm ngành

Một trong các lý thuyết nổi bật về phát triển các ngành công nghiệp là lý thuyết về cụm ngành (clusters). Lý thuyết này phản ánh hiện tượng hình thành và phát triển cộng đồng các doanh nghiệp có hiệu năng cao trong một ngành, một lĩnh vực. Lý thuyết cụm ngành đã phân tích một cách khá đầy đủ các yếu tố nền tảng và quá trình hình thành lợi thế cạnh tranh khu vực trong một lĩnh vực sản xuất. Lý thuyết cụm ngành luận giải rằng mức độ tập trung cao trong một khu vực địa lý các doanh nghiệp trong cùng một lĩnh vực kinh doanh sẽ tạo ra một lợi thế cạnh tranh cao so với các khu vực địa lý khác, đây chính là tiền đề cho sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ.

- Công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi giá trị

Từ quan niệm chuỗi giá trị cho phép đánh giá hiện tượng toàn cầu hóa của các tập đoàn đa quốc gia, trong đó quá trình sản xuất là một tập hợp các hoạt động bổ sung giá trị được thực hiện bởi các tổ chức riêng rẽ; Việc phân chia các hoạt động giữa nhiều doanh nghiệp và quốc gia, phân bổ các nhiệm vụ sản xuất dọc theo chuỗi; Loại hình hợp tác giữa các doanh nghiệp trong chuỗi. Từ hoạt động của chính các tập đoàn đa quốc gia đã thúc đẩy sự ra đời và xuất hiện quan niệm chuỗi giá trị toàn cầu nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Thực trạng phát triển công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

2.1. Thực trạng chung về công nghiệp hỗ trợ

Công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam thực sự được chú ý phát triển từ những năm 1990 khi nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào Việt Nam tăng mạnh. Do gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các sản phẩm đầu vào để đáp ứng yêu cầu sản xuất, chính các nhà đầu tư nước ngoài đã đề xuất với Chính phủ Việt Nam trong việc cần phải có một ngành công nghiệp sản xuất ra các sản phẩm hỗ trợ các ngành công nghiệp chính phát triển.

Nhận thức được tầm quan trọng của công nghiệp hỗ trợ, Chính phủ Việt Nam đã có những chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ nhưng vì nhiều lý do lĩnh vực này của Việt Nam vẫn phát triển chậm dưới mức kỳ vọng.

Việc thu hút đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ đòi hỏi phải có một chính sách toàn diện và nhất quán. Chính sách huy động các nguồn lực đầu tư cho công nghiệp hỗ trợ giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển hiệu quả và bền vững.

Quá trình phát triển của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam còn rất sơ khai. Doanh nghiệp trong nước đã có, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Do vậy chưa tạo được sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.

Về số lượng các doanh nghiệp hỗ trợ: Nhìn chung số lượng các doanh nghiệp hỗ trợ nội địa của Việt Nam vẫn còn rất khiêm tốn.

Về dung lượng thị trường: Dung lượng thị trường cho các sản phẩm công nghiệp nước ta là thị trường tiềm năng, trong giai đoạn vừa qua vẫn còn nhỏ nên chưa đủ sức thu hút các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm bỏ vốn cho ngành công nghiệp hỗ trợ do khả năng thu hồi vốn chậm.

Về tỷ lệ nội địa hóa và lộ trình thực hiện: Việt Nam đã cho ra đời rất nhiều chính sách liên quan đến tỷ lệ nội địa hóa với mong muốn thông qua việc quy định về tỷ lệ nội địa hóa sẽ thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ nội địa. Tuy nhiên, có thể thấy, mặc dù cũng đạt được những kết quả nhất định, nhưng cho đến nay tỷ lệ nội địa hóa vẫn chưa đạt như mong muốn của các nhà hoạch định chính sách.

Về năng lực sản xuất của các doanh nghiệp hỗ trợ trong nước: Năng lực sản xuất của các doanh nghiệp hỗ trợ nội địa chính là vấn đề mấu chốt thể hiện trình độ phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ. Sự yếu kém của công nghiệp hỗ trợ những năm qua đã trở thành một trong những nguyên nhân quan trọng nhất khiến tỷ lệ giá trị gia tăng trong giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nước ta đã và đang có xu hướng giảm, từ mức 36% năm 2005 xuống 6,1% năm 2012.

Năng lực của các doanh nghiệp phụ trợ nội địa còn yếu, thể hiện qua một số khía cạnh: (1) Trình độ công nghệ thấp, vốn thiếu và quản lý chưa đạt chuẩn; (2) Các doanh nghiệp chỉ dừng lại ở khâu chế tác, lắp ráp giản đơn; (3) Nhập khẩu linh phụ kiện từ nước ngoài ngày càng gia tăng.

2.2. Thực trạng phát triển công nghiệp hỗ trợ của một số ngành

- Ngành điện tử - tin học

Điện tử - Tin học - Viễn thông là 3 lĩnh vực công nghiệp riêng biệt nhưng lại có mối liên hệ hết sức chặt chẽ với nhau và thường được nghiên cứu, đánh giá như một ngành công nghiệp chung là công nghiệp điện tử. Tại Việt Nam, ngành công nghiệp điện tử thường được

hiểu bao gồm các lĩnh vực: Sản xuất thiết bị (điện tử dân dụng, điện tử công nghiệp và chuyên dụng, công nghệ thông tin và viễn thông) - công nghiệp phần cứng; Sản xuất linh kiện và vật liệu điện tử; Công nghiệp phần mềm; Giải pháp công nghệ.

Từ năm 1990 đến trước khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, ngành công nghiệp điện tử tin học có tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 20 - 30%/năm. Từ một số doanh nghiệp nhỏ và vừa, đến nay cả nước đã có 3440 doanh nghiệp liên quan đến công nghiệp hỗ trợ, trong đó có trên 100 doanh nghiệp FDI.

Ngành điện tử - tin học Việt Nam đã sơ bộ hình thành được một mạng lưới nghiên cứu, thiết kế, sản xuất các sản phẩm điện tử và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, tuy nhiên, quá trình liên kết và phân vùng này hình thành chưa được rõ nét. Hiện nay, nhiều hãng sản xuất điện tử lớn trên thế giới như Samsung, Canon, Intel, Foxconn... đã đầu tư vào Việt Nam nhằm sản xuất các sản phẩm điện tử như điện thoại di động, máy in, máy tính, điện tử gia dụng cũng như các linh kiện cho máy tính, máy in, camera, ti vi, laptop, ipod, iphone, điện thoại di động và viễn thông cung cấp cho thị trường thế giới.

Điều này cho thấy công nghiệp hỗ trợ cho ngành này hầu như rất yếu, nội địa hóa mới chỉ tập trung vào những linh phụ kiện có giá trị thấp và Việt Nam chỉ thực hiện lắp ráp và xuất khẩu.

- Ngành dệt - may

Công nghiệp hỗ trợ ngành dệt - may bao gồm 2 nhóm sản phẩm chính: (1) Nhóm máy móc trang thiết bị sử dụng trong công nghiệp dệt may bao gồm máy may, máy kéo sợi, máy đánh ống, máy chải, sợi con, roto kéo sợi, cọc sợi, máy dệt, máy ghép, bàn ủi phẳng, bàn ủi gấp... (2) Nguyên phụ liệu, phụ kiện phục vụ quá trình sản xuất ra sản phẩm dệt may gồm bông, xơ, sợi, các loại vải, khóa kéo, chỉ may... Hiện nay, một trong những khó khăn lớn trong ngành dệt - may là sự phụ thuộc quá lớn vào hệ thống máy móc, thiết bị và nguồn nguyên phụ liệu chủ yếu phải nhập khẩu.

Ngành dệt - may là ngành xuất khẩu chủ lực, nhưng năng lực công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển tương xứng với ngành. Là quốc gia có thể

mạnh phát triển nông nghiệp, nhưng nguyên liệu chính của ngành vẫn bị lệ thuộc nước ngoài nhiều năm nay. Vì vậy, các doanh nghiệp may mặc hầu như chỉ làm gia công cho các doanh nghiệp nước ngoài. Đây là một trong những thách thức khi Việt Nam gia nhập các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) khi mà phần lớn nguyên, phụ liệu ngành may đang nhập khẩu từ Trung Quốc.

- Ngành sản xuất và lắp ráp ô tô

Tính đến 2019, lượng nhà cung cấp sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là 403 doanh nghiệp sản xuất liên quan đến ô tô, với tổng công suất lắp ráp thiết kế khoảng 680.000 xe/năm, trong đó có trên 30 doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp FDI chỉ sản xuất ở Việt Nam những chi tiết có hàm lượng lao động cao, sản phẩm tương đối cồng kềnh, có thể sử dụng chung cho toàn bộ ngành ô tô như: lốp, ốc quy, ghế, dây điện, bàn đạp phanh. Còn các doanh nghiệp Việt Nam có số lượng nhỏ, từng là các doanh nghiệp cơ khí, sản xuất chất dẻo, nhựa, trình độ công nghệ kém, không có kinh nghiệm trong ngành ô tô, hầu hết chưa đủ khả năng cung cấp một sản phẩm hoàn chỉnh cho ngành lắp ráp. Họ chủ yếu cung cấp bán linh kiện hoặc nguyên liệu phục vụ cho sản xuất linh kiện, sản phẩm không có hàm lượng kỹ thuật cao. Yếu kém về năng lực sản xuất công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô thể hiện về lượng, chất, giá và ngay cả tiến độ giao hàng. Đồng thời, Việt Nam chưa có đầy đủ hạ tầng cần thiết để phát triển công nghiệp hỗ trợ này, nó đã gây trở ngại cho sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ toàn cầu muốn đầu tư hoặc liên kết đầu tư. Như vậy, ngành công nghiệp hỗ trợ ô tô Việt Nam kém phát triển cả về số lượng, năng lực các công ty trong ngành, số lượng chủng loại, chất lượng sản phẩm cũng như khả năng cung cấp.

- Ngành cơ khí chế tạo

Công nghệ chế tạo cơ khí nội địa về tổng thể vẫn là công nghệ chế tạo đơn giản, lạc hậu, trình độ tự hậu khoảng 2-3 thế hệ so với khu vực. Máy móc, thiết bị qua nhiều năm sử dụng đã lạc

hậu về tính năng kỹ thuật, độ chính xác kém, thiếu phụ tùng thay thế, thiếu chú ý bảo dưỡng định kỳ, thiếu vốn để đầu tư thay thế, đổi mới và nâng cấp.

Ngành chế tạo cơ khí của Việt Nam chưa phát triển đủ mạnh để có thể chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu. Dù có tốc độ tăng trưởng bình quân 30-40%/năm nhưng ước tính mỗi năm ngành cơ khí chế tạo vẫn phải nhập khẩu 18 tỷ USD thiết bị. Hiện cơ khí trong nước mới chỉ trang bị được 38% nhu cầu nền kinh tế, còn lại vẫn phải nhập khẩu.

2.3. Đánh giá chung

- Điểm mạnh

Việt Nam đã có những nhận thức đúng đắn về vai trò của ngành công nghiệp hỗ trợ đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, đã ban hành nhiều chủ trương chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ như: Chính sách nội địa hóa; Chiến lược phát triển công nghiệp của Việt Nam trong đó lấy công nghiệp hỗ trợ làm trọng tâm thay vì chỉ lắp ráp như hiện nay; Chính sách thuế nhập khẩu nguyên phụ liệu, linh kiện, phụ tùng theo hướng không khuyến khích việc nhập khẩu linh kiện, phụ tùng mà trong nước có thể sản xuất được; Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2010 và tầm nhìn 2020; Từng ngành cũng đã có những chính sách riêng nhằm từng bước phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Điểm yếu

Trong thời gian qua, Việt Nam đã có những định hướng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tuy nhiên, mức độ thành công ở các ngành không đều nhau. Đến nay công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam vẫn ở trong tình trạng kém phát triển với những biểu hiện rõ ràng sau: Thể chế kinh tế thị trường chậm hoàn thiện kéo theo hệ quả là một nền kinh tế kém năng động trong tương quan so sánh với các nước trong khu vực. Dung lượng thị trường còn thấp, chưa đảm bảo quy mô công suất sản xuất kinh tế dẫn đến việc sản xuất hỗ trợ phục vụ cho tiêu dùng nội địa hoặc xuất khẩu gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, cơ chế chính sách vẫn còn khác biệt giữa các thành phần kinh tế, chưa thực sự hỗ trợ các doanh

ngành vừa và nhỏ cũng như khu vực tư nhân phát triển như khu vực nhà nước.

- *Cơ hội*

Sau khi gia nhập WTO và các FTAs, Việt Nam được đối xử tương tự như các thành viên của các tổ chức này dành cho nhau. Những ưu đãi về bãi bỏ hạn ngạch nhập khẩu vào các quốc gia thành viên giúp Việt Nam tăng kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng chủ lực như dệt - may, da - giày, thủy sản... Việt Nam có thể nhập khẩu những mặt hàng trong nước chưa sản xuất được với mức thuế xuất ưu đãi từ các nước thành viên trong các tổ chức Việt Nam tham gia. Ngoài ra, việc thu hút vốn đầu tư, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ được thực hiện dễ dàng hơn trong nội bộ các thành viên của các tổ chức.

- *Thách thức*

Toàn cầu hóa và hội nhập không phải chỉ là một xu hướng mà đã trở thành hiện thực phát triển của kinh tế thế giới. Lãnh thổ quốc gia không mang ý nghĩa nhiều trong phát triển kinh tế toàn cầu. Hàng rào thuế quan, hạn ngạch, các biện pháp bảo hộ thị trường nội địa hiện không phải là công cụ hữu hiệu nhất vì vướng phải những cam kết quốc tế về thương mại do vậy hàng hóa trong nước vấp phải sự cạnh tranh gay gắt với sản phẩm cùng loại của các nước khác vì hàng rào thuế quan đã bị gỡ bỏ.

3. Một số giải pháp chủ yếu phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

3.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để công nghiệp hỗ trợ nhanh chóng phát triển

- *Nội dung giải pháp:* Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế để tạo điều kiện cho khu vực tư nhân cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ có điều kiện cạnh tranh công bằng với các doanh nghiệp của nhà nước.

- *Hướng thực hiện:* Về quá trình hoạch định chính sách, Chính phủ cần yêu cầu các bộ, ngành, hiệp hội, doanh nghiệp liên quan đến công nghiệp hỗ trợ phối hợp đưa ra những nội dung hỗ trợ mạnh mẽ, có tính khả thi, hiệu quả cao đối với sự phát triển công nghiệp hỗ trợ của đất nước về cơ sở hạ tầng, thuế, các chính sách

lãi chính, các thông tin và sự hợp tác quốc tế trên bình diện quốc gia.

- *Hiệu quả dự kiến:* Tạo sự thống nhất, đồng bộ, đơn giản, công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; tạo sự thuận lợi cho cá nhân, tổ chức và các doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy hành chính và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phòng chống tham nhũng, lãng phí, sẽ nhanh chóng thu hút được các nhà đầu tư trong và ngoài nước muốn đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ hoặc cùng tham gia vào chuỗi giá trị khi Chính phủ công bố cụ thể các chính sách ưu đãi về thủ tục hành chính, thuế, cơ chế thẩm định...

3.2. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ở các địa phương

- *Nội dung giải pháp:* Hình thành các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ để quy tụ các nhà đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- *Hướng thực hiện chính:* Xây dựng chương trình phát triển các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ có sự tham gia của các tập đoàn đa quốc gia có đại diện ở Việt Nam.

- *Hiệu quả dự kiến:* Phát huy được những thế mạnh của các địa phương, khai thác tốt các tiềm năng và thúc đẩy phát triển địa phương.

3.3. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ở một số ngành chính

- *Nội dung giải pháp:* Xây dựng những hướng đi phát triển công nghiệp hỗ trợ cho một số ngành chính theo thứ tự như sau: cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, sản xuất và lắp ráp ô tô, dệt - may, da, giày và túi xách.

- *Hướng thực hiện chính:* Được thực hiện theo quy hoạch và chiến lược của từng ngành phù hợp với quy hoạch chung phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- *Hiệu quả dự kiến:* Phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với 5 ngành xuất khẩu chủ lực sẽ tăng cường cho việc đẩy mạnh sự phát triển của từng ngành được đồng bộ, hướng vào mục tiêu tự chủ trong sản xuất, thay thế sản phẩm nhập khẩu,

tiếp cận dần đến tự chủ tự lực trong xuất khẩu ngành công nghiệp hỗ trợ nói chung.

3.4. Thúc đẩy nhu cầu công nghiệp hỗ trợ từ các công ty đa quốc gia

- *Nội dung giải pháp:* Thúc đẩy nhu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ thông qua khuyến khích, kêu gọi đầu tư từ các công ty đa quốc gia, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bên cạnh đó, nhanh chóng xây dựng, triển khai vườn ươm doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ vào thực tiễn.

- *Hướng thực hiện chính:* Bộ Công Thương, với vai trò được Chính phủ giao làm cơ quan chủ quản trong phát triển công nghiệp hỗ trợ cần xây dựng “Chương trình hành động quốc gia về công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030 tầm nhìn 2040” với sự phân chia mục tiêu ưu tiên trong từng giai đoạn để tăng cường thu hút và sử dụng nguồn vốn FDI nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- *Hiệu quả dự kiến:* Nâng cao vai trò công nghiệp hỗ trợ trong tổng thể của phát triển công nghiệp Việt Nam, thu hút mạnh các tập đoàn đa quốc gia chuyển giao các công nghệ mới từ các nhà đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp vệ tinh

bước đầu tham gia được vào mạng sản xuất toàn cầu. Khi hình thành, phát triển vườn ươm doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sẽ góp phần vào việc xây dựng hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất hỗ trợ cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp ô tô, công nghiệp điện - điện tử.

3.5. Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

- *Nội dung giải pháp:* Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao chất lượng đội ngũ thợ lành nghề, tăng cường lượng kỹ sư và xây dựng trung tâm phát triển nguồn lực của ngành.

- *Hướng thực hiện chính:* Cần có các chính sách hỗ trợ tài chính của nhà nước cho kích thích đào tạo nghề. Phải xem việc phát triển nguồn nhân lực để phát triển công nghiệp hỗ trợ là yếu tố mang tính then chốt.

- *Hiệu quả dự kiến:* Tạo được sự an tâm về nguồn nhân lực có trình độ đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp khi đầu tư vào phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2015), Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 91, 91, 285- 286, 293.
3. Bộ Thông tin và Truyền thông (2013), Sách trắng về Công nghệ thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ.